

BẢNG CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
 Tháng 02 năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	13						55,528,457	755.777.629	55,528,457	755.777.629
Dự mẫn non		071					55,528,457	755.777.629	55,528,457	755.777.629
Lương			6000					381.841.200		381.841.200
g theo ngạch, bậc			6001					381.841.200		381.841.200
Công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6050				4.718.700	9.437.400	4.718.700	9.437.400
Công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6051				4.718.700	9.437.400	4.718.700	9.437.400
Cấp lương			6100					204.784.974		204.784.974
Cấp chức vụ			6101					11.466.000		11.466.000
Cấp ưu đãi nghề			6112					141.935.926		141.935.926
Cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113					7.020.000		7.020.000
Cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115					44.363.048		44.363.048
Khoản đóng góp			6300				8.893.271	112.854.674	8.893.271	112.854.674
Nhiệm xã hội			6301				7.238.523	84.656.590	7.238.523	84.656.590
Nhiệm y tế			6302				1.241.061	14.512.730	1.241.061	14.512.730
phí công đoàn			6303					8.847.778		8.847.778
Nhiệm thất nghiệp			6304				413.687	4.837.576	413.687	4.837.576
h toán dịch vụ công cộng			6500				3.783.504	8.726.399	3.783.504	8.726.399
điện			6501				3.783.504	8.726.399	3.783.504	8.726.399
g tin, tuyên truyền, liên lạc			6600				617.982	617.982	617.982	617.982
phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường thoại, fax			6601				22,000	22,000	22,000	22,000
Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê truyền mạng			6605				595.982	595.982	595.982	595.982
chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công cơ sở hạ tầng			6900				37,515,000	37,515,000	37,515,000	37,515,000
Đường điện, cấp thoát nước			6921				37,515,000	37,515,000	37,515,000	37,515,000
Cộng:							55,528,457	755.777.629	55,528,457	755.777.629

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm Non Phước Thạnh

Mã ĐVQHNS: 1112497

Mã cấp NS: 3

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần ĐVSDNS ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Trần Anh Thông

Nguyễn Thị Kiều Oanh

